

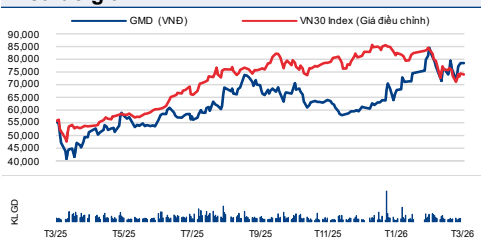
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ90,000
Tiềm năng tăng/giảm: 14.6%

Giá cổ phiếu (đồng) (30/3/2026)	78,500
Mã Bloomberg	GMD VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	40,841-84,400
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	78,267
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	32,986
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	1,252
Slg CP lưu hành (tr.đv)	420
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	206
Slg CP NN được mua (tr.đv)	25.5
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	42.9%
Tỷ lệ freefloat	88.6%
Cổ đông lớn	SSJ Consulting (7.07%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	5,946	6,847	7,486
EBITDA đc (tỷ đồng)	2,770	3,558	3,996
LNTT (tỷ đồng)	2,506	2,974	3,396
LNT ĐC (tỷ đồng)	1,543	1,881	2,155
FCF (tỷ đồng)	(484)	3,778	2,579
EPS ĐC (đồng)	3,565	4,347	4,979
DPS (đồng)	1,478	1,478	1,478
BVPS (đồng)	30,234	34,809	38,506
T.trưởng EBITDA (%)	24.9	28.5	12.3
T.trưởng EPS ĐC (%)	11.1	20.6	14.5
Tăng trưởng DPS (%)	(33.3)	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	46.6	52.0	53.4
Tỷ suất LNTT (%)	42.1	43.4	45.4
Tỷ suất LNT ĐC (%)	28.2	29.9	31.3
Tỷ lệ LN trả CT (%)	37.7	31.3	27.3
Nợ thuần/VCSH (%)	5.97	(8.40)	(19.2)
ROAE (%)	13.2	14.5	14.8
ROACE (%)	7.41	8.87	9.51
EV/doanh thu (lần)	5.70	4.84	4.17
EV/EBITDA ĐC (lần)	12.2	9.32	7.80
P/E ĐC (lần)	22.0	18.1	15.8
P/B (lần)	2.60	2.26	2.04
Lợi suất cổ tức (%)	1.88	1.88	1.88

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

GMD là doanh nghiệp cảng biển tư nhân lớn nhất tại Việt Nam với hệ thống cảng trải dài trên toàn quốc và hệ thống logistics tích hợp.

Chuyên viên phân tích

Trần Thị Thu Nga, CFA

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp & nga.tttthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Gemadept và CJ Logistics tái cấu trúc chiến lược hợp tác

- Vào ngày 30/3/2026, GMD và CJ Logistics đã thống nhất tái cấu trúc mối quan hệ đối tác chiến lược. Theo đó, GMD sẽ nắm quyền kiểm soát toàn bộ mảng kinh doanh vận tải biển (hiện đang sở hữu 51%), đồng thời CJ Logistics sẽ đầu tư và tập trung quản lý điều hành 100% hoạt động dịch vụ 3PL Logistics (hiện đang sở hữu 49,1%).
- Việc tái cấu trúc này giúp các bên tối ưu hóa thế mạnh cốt lõi trong mảng logistics và vận tải biển, đồng thời tạo ra sự tương thích hoàn hảo với chiến lược phát triển dài hạn của mỗi doanh nghiệp.
- HSC dự báo lợi nhuận thuần từ HĐKD cốt lõi (không bao gồm bất kỳ khoản lợi nhuận không thường xuyên nào có thể có từ hoạt động thoái vốn nêu trên) trong Q1/2026 đạt 480 tỷ đồng (tăng 19% so với cùng kỳ).
- Chúng tôi đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Gemadept và CJ Logistics tái cấu trúc chiến lược hợp tác

Cần nhắc lại rằng, GMD và CJ Logistics (một thành viên của Tập đoàn CJ, Hàn Quốc) đã thiết lập mối quan hệ đối tác chiến lược từ tháng 2/2018 thông qua hai liên doanh: CJ Gemadept Logistics Holdings (GMD nắm 49,1%, CJ Logistics nắm 50,9%) và CJ Gemadept Shipping Holdings (GMD nắm 51%, CJ Logistics nắm 49%, nhưng mỗi bên nắm quyền biểu quyết ngang nhau là 50%). Cả hai công ty này đều được xem là các công ty liên doanh của GMD và được hạch toán theo phương pháp vốn CSH trong BCTC hợp nhất của GMD. CJ Gemadept Logistics là đơn vị chuyên trách mảng 3PL và Logistics hợp đồng, tập trung phát triển hệ thống trung tâm phân phối và kho bãi hiện đại. Công ty cung cấp các giải pháp tích hợp thông qua việc ứng dụng nền tảng công nghệ thông tin tiên tiến và thế mạnh trong quản trị chuỗi cung ứng từ CJ Logistics. Trong khi đó, CJ Gemadept Shipping đóng vai trò là mắt xích kết nối huyết mạch thông qua các dịch vụ tàu gom và vận tải sà lan. Mạng lưới này liên thông trực tiếp giữa hệ thống cảng biển, cảng cạn (ICD) và các khu công nghiệp, qua đó hoàn thiện hệ sinh thái Cảng – Logistics tích hợp của GMD.

Mặt khác, Mekong Logistics (MKL) là liên doanh chiến lược giữa GMD và Tập đoàn Minh Phú (MPC), được thành lập từ năm 2015. Đơn vị này tập trung khai thác phân khúc logistics chuỗi lạnh và hệ thống kho bãi chuyên dụng, phục vụ đặc lực cho ngành nông - thủy sản tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Liên doanh này cũng đã thu hút vốn đầu tư chiến lược từ CJ Logistics vào năm 2018. Tính đến cuối năm 2025, GMD nắm giữ 25% cổ phần tại MKL và CJ Logistics nắm giữ 24%.

Những thay đổi chính trong việc tái cấu trúc:

- GMD sẽ nắm 100% quyền kiểm soát mảng kinh doanh vận tải biển thông qua CJ Gemadept Shipping.
- Tỷ lệ sở hữu của GMD tại MKL sẽ tăng lên 49% từ mức 25%.
- CJ Logistics sẽ nắm 100% quyền kiểm soát mảng kinh doanh logistics 3PL thông qua CJ Gemadept Logistics Holdings.

Điều này có nghĩa là GMD sẽ thoái 49% cổ phần tại CJ Gemadept Logistics cho CJ Logistics, đồng thời mua lại 49% cổ phần tại CJ Gemadept Shipping và 24% cổ phần tại MKL từ CJ Logistics.

Việc tái cấu trúc này giúp các bên tối ưu hóa thế mạnh cốt lõi trong mảng logistics và vận tải biển, đồng thời phù hợp với chiến lược phát triển dài hạn của mỗi doanh nghiệp. Đối với CJ Logistics, chiến lược của công ty là tăng cường các giải pháp logistics toàn diện với trọng tâm là các trung tâm phân phối.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 31/3.

(Xem tiếp trang 2)

Đối với GMD, việc mở rộng và kiểm soát toàn bộ đội tàu sẽ giúp tăng sự kết nối trong hệ sinh thái. Trong khi đó, việc tăng tỷ lệ sở hữu tại Mekong Logistics sẽ tạo nền tảng để phát triển chuỗi cung ứng lạnh tại Đồng bằng sông Cửu Long và các khu vực tiềm năng khác trong tương lai.

Tác động đối với lợi nhuận của GMD: Khả năng ghi nhận lợi nhuận không thường xuyên trong Q1/2026

Trong năm 2025, đóng góp lợi nhuận từ CJ Gemadept Logistics là 49,2 tỷ đồng (bằng 2,9% lợi nhuận thuần năm 2025 của GMD), trong khi đóng góp từ CJ Gemadept Shipping hầu như không có.

Việc thoái 49% vốn tại CJ Gemadept Logistics dự kiến sẽ mang lại một khoản lợi nhuận không thường xuyên vào KQKD Q1/2026. Tuy nhiên, kể từ các quý tiếp theo, GMD sẽ ngừng ghi nhận đóng góp lợi nhuận từ liên doanh này.

Chúng tôi lưu ý rằng tính đến cuối năm 2025, giá trị sổ sách khoản đầu tư của GMD vào CJ Gemadept Logistics đạt 464 tỷ đồng. Trong cùng năm, liên doanh này đã đóng góp 49 tỷ đồng vào lợi nhuận hợp nhất của tập đoàn. Do đó, nếu giao dịch thoái vốn này được thực hiện với mức P/E cao hơn 9,4 lần, GMD dự kiến sẽ ghi nhận một khoản lợi nhuận không thường xuyên vào KQKD Q1/2026.

Dự báo KQKD Q1/2026: Lợi nhuận từ HĐKD cốt lõi dự kiến tăng 19% so với cùng kỳ

Cho Q1/2026, doanh thu thuần và lợi nhuận thuần từ HĐKD cốt lõi (loại trừ bất kỳ khoản lợi nhuận không thường xuyên nào nếu có) dự kiến đạt lần lượt 1.450 tỷ đồng (tăng 14% so với cùng kỳ) và 480 tỷ đồng (tăng 19% so với cùng kỳ). Sản lượng container tại các cảng trọng yếu của GMD trong giai đoạn này ước đạt 340.000 TEU đối với Nam Đình Vũ (giảm 5% so với cùng kỳ) và 527.000 TEU đối với Gemalink (tăng 20% so với cùng kỳ).

Xem xét lại khuyến nghị; giá mục tiêu và dự báo lợi nhuận

HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu sau khi giá cổ phiếu tăng mạnh trong thời gian gần đây. Dự báo hiện tại cho năm 2026 cho thấy lợi nhuận thuần tăng trưởng 22% đạt 2.045 tỷ đồng.

Bảng 1: Liên doanh với CJ Logistics, GMD

GMD hợp tác với CJ Logistics thông qua 2 liên doanh – CJ Gemadept Logistics Holding & CJ Gemadept Shipping Holding

Tỷ đồng	Tỷ lệ sở hữu của GMD		Chi phí gốc của GMD	Lũy kế lợi nhuận phân phối		Đóng góp vào lợi nhuận 2025	% lợi nhuận thuần của GMD 2025	Số dư cuối năm tài chính 2025 của GMD
	Trước khi tái cấu trúc	Sau khi tái cấu trúc		Cuối 2025	Cuối 2024			
CJ Gemadept Logistics	49.1%	0.0%	132	49.2	282.8	49.2	2.9%	464
CJ Gemadept Shipping	51.0%	100.0%	105	0.2	66.1	0.2	0.0%	171
Mekong Logistics	25.0%	49.0%	N.a					

Nguồn: GMD

Bảng 2: Đánh giá lợi nhuận Q1/2026, GMD

HSC dự báo lợi nhuận thuần Q1/2026 đạt 480 tỷ đồng (tăng 19% so với cùng kỳ)

Tỷ đồng	Q1/25	Dự báo Q1/26	So với cùng kỳ	Dự báo 2026 của HSC	Tăng trưởng
Doanh thu thuần	1,277	1,450	13.6%	6,847	21.2%
Lợi nhuận thuần	403	480	19.1%	2,045	23.5%

Nguồn: HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	4,832	5,946	6,847	7,486	8,158
Lợi nhuận gộp	2,162	2,715	3,005	3,298	3,625
Chi phí BH&QL	(816)	(1,088)	(1,164)	(1,273)	(1,387)
Thu nhập khác	(611)	(438)	(205)	(74.9)	(81.6)
Chi phí khác	262	44.6	34.2	37.4	40.8
EBIT	996	1,234	1,669	1,988	2,197
Lãi vay thuần	267	116	(41.3)	(26.2)	70.8
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	816	1,156	1,346	1,434	1,731
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	2,080	2,506	2,974	3,396	3,999
Chi phí thuế TNDN	(174)	(282)	(261)	(318)	(367)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(446)	(547)	(668)	(735)	(787)
LNST không thường xuyên	(92.0)	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	1,459	1,677	2,045	2,342	2,845
Lợi nhuận thuần ĐC	1,251	1,543	1,881	2,155	2,618
EBITDA ĐC	2,218	2,770	3,558	3,996	4,522
EPS (đồng)	3,525	3,917	4,724	5,411	6,574
EPS ĐC (đồng)	3,021	3,565	4,347	4,979	6,048
DPS (đồng)	2,216	1,478	1,478	1,478	1,971
Slg CP bình quân (triệu đv)	414	428	433	433	433
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	414	433	433	433	433
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	414	433	433	433	433

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	3,964	1,618	4,633	6,238	7,981
Đầu tư ngắn hạn	1,021	2,657	1,404	1,538	1,679
Phải thu khách hàng	1,235	1,396	1,770	1,939	2,118
Hàng tồn kho	83.4	86.5	118	129	141
Các tài sản ngắn hạn khác	372	353	407	445	485
Tổng tài sản ngắn hạn	6,676	6,110	8,332	10,289	12,403
TSCĐ hữu hình	3,786	5,384	4,864	4,309	3,735
TSCĐ vô hình	247	245	230	221	211
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	1,766	1,350	1,457	1,471	1,485
Đầu tư vào Cty LD,LK	3,792	4,827	5,919	5,919	5,919
Tài sản dài hạn khác	1,719	1,860	2,417	2,643	2,882
Tổng tài sản dài hạn	11,310	13,667	14,887	14,562	14,231
Tổng cộng tài sản	17,986	19,777	23,219	24,852	26,634
Nợ ngắn hạn	422	308	598	654	712
Phải trả người bán	462	566	654	715	779
Nợ ngắn hạn khác	1,146	1,307	1,631	1,783	1,943
Tổng nợ ngắn hạn	2,107	2,350	2,993	3,272	3,566
Nợ dài hạn	1,745	2,082	2,759	2,369	1,831
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	380	485	538	588	641
Tổng nợ dài hạn	2,125	2,567	3,297	2,957	2,472
Tổng nợ phải trả	4,232	4,917	6,290	6,229	6,038
Vốn chủ sở hữu	12,386	13,085	15,065	16,666	18,541
Lợi ích cổ đông thiểu số	1,368	1,775	1,864	1,957	2,055
Tổng vốn chủ sở hữu	13,753	14,860	16,929	18,622	20,596
Tổng nợ phải trả và VCSH	17,986	19,777	23,219	24,852	26,634
BVPS (đ)	29,919	30,234	34,809	38,506	42,839
Nợ thuần/(tiền mặt)	(1,797)	771	(1,276)	(3,216)	(5,438)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	996	1,234	1,669	1,988	2,197
Khấu hao	(406)	(379)	(542)	(574)	(594)
Lãi vay thuần	267	116	(41.3)	(26.2)	70.8
Thuế TNDN đã nộp	(242)	(329)	(317)	(383)	(442)
Thay đổi vốn lưu động	(5.03)	(1,900)	227	(667)	(659)
Khác	(681)	(5.70)	102	22.4	23.6
LCT thuần từ HKKD	1,647	1,492	3,785	2,589	3,085
Đầu tư TS dài hạn	(1,598)	(1,976)	(6.38)	(10.1)	(10.4)
Góp vốn & đầu tư	(1,224)	(874)	(1,091)	0	0
Thanh lý	382	0	0	0	0
Khác	944	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(1,497)	(2,827)	(1,098)	(10.1)	(10.4)
Cổ tức trả cho CSH	(917)	(640)	(640)	(640)	(853)
Thu từ phát hành CP	3,059	125	0	0	0
Tăng/giảm nợ	220	222	968	(334)	(479)
Khác	(24.9)	(723)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	2,337	(1,016)	328	(974)	(1,332)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	1,474	3,964	1,618	4,633	6,238
LCT thuần trong kỳ	2,487	(2,351)	3,015	1,605	1,743
Ảnh hưởng của tỷ giá	3.15	5.00	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	3,964	1,618	4,633	6,238	7,981
Dòng tiền tự do	48.3	(484)	3,778	2,579	3,075

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	44.7	45.7	43.9	44.1	44.4
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	45.9	46.6	52.0	53.4	55.4
Tỷ suất LNT (%)	30.2	28.2	29.9	31.3	34.9
Thuế TNDN hiện hành (%)	8.39	11.2	8.78	9.38	9.17
Tăng trưởng doanh thu (%)	25.6	23.0	15.2	9.32	8.98
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	25.5	24.9	28.5	12.3	13.2
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(42.0)	23.3	21.9	14.5	21.5
Tăng trưởng EPS (%)	(51.9)	11.1	20.6	14.5	21.5
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(57.6)	18.0	21.9	14.5	21.5
Tăng trưởng DPS (%)	(13.1)	(33.3)	0	0	33.3
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	62.8	37.7	31.3	27.3	30.0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	13.9	13.2	14.5	14.8	16.2
ROACE (%)	7.25	7.41	8.87	9.51	9.84
Vòng quay tài sản (lần)	0.31	0.31	0.32	0.31	0.32
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	1.65	1.21	2.27	1.30	1.40
Số ngày tồn kho	11.4	9.77	11.2	11.3	11.3
Số ngày phải thu	169	158	168	169	171
Số ngày phải trả	63.1	63.9	62.1	62.3	62.8
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	(14.4)	5.97	(8.40)	(19.2)	(29.3)
Nợ/tài sản (%)	12.1	12.1	14.5	12.2	9.60
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	40.4	75.8	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.55	1.49	1.52	1.18	0.92
Chỉ số TT hiện thời (lần)	3.17	2.60	2.78	3.14	3.48
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	6.42	5.70	4.84	4.17	3.54
EV/EBITDA ĐC (lần)	14.0	12.2	9.32	7.80	6.39
P/E (lần)	22.3	20.0	16.6	14.5	11.9
P/E ĐC (lần)	26.0	22.0	18.1	15.8	13.0
P/B (lần)	2.62	2.60	2.26	2.04	1.83
Lợi suất cổ tức (%)	2.82	1.88	1.88	1.88	2.51

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn